TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2022/HS-PT
Ngày 30-5-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Huy Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Luông.

Ông Trương Văn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Xuân Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 và ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 257/2021/TLPT-HS ngày 15 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo Lê Văn Đ và các bị cáo khác do có kháng cáo của bị cáo Lê Văn Đ và các bị cáo khác đối với bản án: 197/2021/HS-ST ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Văn Đ sinh năm 1979 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: ấp S, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Lê Văn sinh năm 1951 và bà Võ Thị C sinh năm 1951; bị cáo có vợ và 02 người con.

Tiền án: không; tiền sự: ngày 31 tháng 7 năm 2018, bị Công an huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi "Đánh bạc" theo Quyết định số 0000831/QĐ-XPVPHC, chưa đóng phạt.

Nhân thân: bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh xử phạt 04 tháng 10 ngày tù về tội "đánh bạc", án phí 50.000 đồng theo Bản án số 12/2003/HSST ngày 16 tháng 01 năm 2003, được trả tự do ngay tại phiên tòa, đóng án phí sơ thẩm ngày 10 tháng 12 năm 2004.

Bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 14 tháng 3 năm 2020 đến ngày 05 tháng 9 năm 2020 được tại ngoại cho đến nay, có mặt.

2. Phan Văn T sinh năm 1963 tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký thường trú: ấp K, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Phan Văn L (đã chết) và bà Đồng Thị D (đã chết); bị cáo có vợ và có 02 người con; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: ngày 06 tháng 01 năm 2011, bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 10.000.000 đồng về tội "Đánh bạc" theo Bản án số 01/2011/HSST, án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, nộp án phí ngày 07 tháng 3 năm 2011, nộp tiền phạt ngày 10 tháng 6 năm 2013; ngày 26 tháng 9 năm 2014, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 03 tháng tù về tội "Đánh bạc" theo bản án phúc thẩm số 154/2014/HSPT, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30 tháng 01 năm 2015, đóng xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 09 tháng 10 năm 2014, đóng tiền phạt bổ sung, tiền thu lợi bất chính ngày 17 tháng 10 năm 2014.

Bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 14 tháng 3 năm 2020 đến ngày 07 tháng 4 năm 2020 được tại ngoại cho đến nay, có mặt.

3. Phạm Thị Hồng Đ sinh năm 1972 tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký thường trú: tổ 6, khu phố 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 3/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Phạm Niên L, sinh năm 1942 và bà Vũ Thị H (đã chết); bị cáo có chồng và có 02 con.

Tiền án: ngày 28 tháng 6 năm 2019, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước xử phạt 30.000.000 đồng về tội "Đánh bạc" theo Bản án số 66/2019/HSST, án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, đã chấp hành xong hình phạt và đóng án phí ngày 20 tháng 12 năm 2019.

Tiền sự: ngày 23 tháng 9 năm 2008, bị Công an thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước xử phạt hành chính số tiền 350.000 đồng về hành vi "đánh nhau" theo Quyết định số 1816/QĐ-XPHC, chưa đóng phạt.

Nhân thân: ngày 28 tháng 01 năm 2010, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước xử phạt 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thử thách 60 tháng về tội "Môi giới mại dâm" theo Bản án số 10/2010/HSST, án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, đã chấp hành xong hình phạt và đóng án phí.

Bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 14 tháng 3 năm 2020 đến ngày 07 tháng 5 năm 2020 được tại ngoại để điều tra, có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Hoàng L sinh năm 1975 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: ấp X, xã A, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Hồ Thị L; có vợ và có 02 con.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 22 tháng 9 năm 2015, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh xử phạt số tiền 15.000.000 đồng về tội "Vận chuyển trái phép tiền tệ

qua biên giới" theo Bản án số 76/2015/HSST, án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, đã đóng tiền phạt và án phí ngày 09 tháng 12 năm 2015.

Bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 14 tháng 3 năm 2020 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

5. Phan Hữu T sinh năm 1988 tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký thường trú: ấp 5, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Phan Văn S (đã chết) và bà Nguyễn Thị T sinh năm 1959; có vợ và có 02 con.

Tiền án: ngày 22 tháng 3 năm 2018, bị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh xử phạt số tiền 25.000.000 đồng về tội "Đánh bạc" theo Bản án số 24/2018/HSST, án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, đóng án phí ngày 25 tháng 5 năm 018, đóng tiền phạt ngày 16 táng 3 năm 2020; tiền sự: không.

Nhân thân: ngày 05 tháng 02 năm 2016, bị Công an xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi "đánh bạc" theo Quyết định số 32/QĐ, đã đóng phạt ngày 05 tháng 02 năm 2016.

Bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 14 tháng 3 năm 2020 đến ngày 07 tháng 5 năm 2020 được tại ngoại để điều tra, có mặt.

6. Huỳnh Thị Kim N sinh năm 1976 tại tỉnh Cà Mau; nơi đăng ký thường trú: khóm 2, Phường 5, thành phố C, tỉnh Cà Mau; nơi đăng ký tạm trú: tổ 6, ấp A, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 1/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Huỳnh Văn C (đã chết) và bà Huỳnh Thị Cẩm V; có chồng và có 04 người con; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: ngày 29 tháng 7 năm 2010, bị Tòa án nhân dân thành phố C xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày 14 tháng 5 năm 2010 về tội "Đánh bạc" theo Bản án số 98/2010/HSST, án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, đã nộp án phí hình sự sơ thẩm ngày 13 tháng 9 năm 2012.

Bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 14 tháng 3 năm 2020 đến ngày 06 tháng 8 năm 2020 được tại ngoại cho đến nay, có mặt.

7. Hồ Thị Thanh T sinh năm 1991 tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký thường trú: ấp A, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 11/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Hồ Văn T, sinh năm 1963 và bà Trần Kim C, sinh năm 1964; có chồng là Lê Minh T, sinh năm 1990; có 01 con sinh năm 2011.

Tiền án: ngày 21tháng 11 năm 2019, bị Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương xử phạt 20.000.000 đồng về tội "Đánh bạc" theo Bản án số 218/2019/HSST, án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, đã nộp án phí ngày 13 tháng 3 năm 2020, nộp tiền phạt ngày 15 tháng 4 năm 2020; tiền sự: không.

Bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 14 tháng 3 năm 2020 đến ngày 07 tháng 5 năm 2020 được tại ngoại để điều tra, có mặt tại phiên tòa.

8. Nguyễn Thị Kim L sinh năm 1962 tại tỉnh Bình Dương; đăng ký thường trú: số 7/17, đường N, tổ 43, khu phố 6, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; con ông Nguyễn Văn G (đã chết) và bà Trần Thị R (đã chết); có chồng và có 02 người con; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: ngày 27 tháng 11 năm 1990, bị Tòa án nhân dân tỉnh Sông Bé xử phạt 02 năm 09 tháng tù về tội "Lạm dụng tính nhiệm chiếm đoạt tài sản và cho vay lãi nặng" theo Bản án số 82/HSST, án phí hình sự sơ thẩm 15.000 đồng, đã chấp hành xong hình phạt tù và nộp án phí ngày 29 tháng 01 năm 1991.

Bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 14 tháng 3 năm 2020 đến ngày 07 tháng 5 năm 2020 được tại ngoại cho đến nay, có mặt.

9. Trần Thị M (tên gọi khác: Đ) sinh năm 1959 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: ấp Phú Bình, xã An Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 4/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Lê Văn D (đã chết) và bà Trần Thị C (đã chết); có chồng và có 03 con.

Tiền án: ngày 21 tháng 8 năm 1996, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân" theo Bản án số 100/HSST; tiền sự: không.

Nhân thân: ngày 17 tháng 9 năm 2008, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc", thời gian thử thách 17 tháng 14 ngày tính từ ngày tuyên án theo Bản án số 88/2008/HSST, án phí hình sự sơ thẩm 50.000 đồng, đã nộp án phí ngày 14 tháng 5 năm 2009.

Bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 14 tháng 3 năm 2020 đến ngày 07 tháng 5 năm 2020 được tại ngoại để điều tra, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, còn có 30 bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14 tháng 3 năm 2020, Công an thị xã B phối hợp với Phòng Cảnh sát hình sự cùng các lực lượng nghiệp vụ Công an tỉnh Bình Dương bắt quả tang Phạm Văn T đang tổ chức đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức lắc tài xỉu cho Nguyễn Hoàng L, Hồ Thị Thanh T, Phạm Văn B, Nguyễn Tân L, Nguyễn Đức

M, Phan Hữu T, Lê Văn Đ, Trần Thị M, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Hoàng Tử L, Phạm Ngọc T, Quách Văn H, Đỗ Thị N, Phan Văn T, Đào Văn L, Lê Thùy T, Nguyễn Thị Thu V, Huỳnh Thị Kim N, Nguyễn Thị Thùy O, Vũ Thúy N, Trần Thị Thu T, Trần Thị Thùy D, Nguyễn Thị Thu H, Phạm Ngọc V, Nguyễn Thành S, Huỳnh Thị Tuyết H, Phạm Ngọc L, Hồ Thị M, Lê Thị Minh L, Hồ Duy K, Phạm Thị Hồng Đ, Nguyễn Văn Đ, Ngô Văn K, Trần Anh D, Phạm Thị T, Lê Thị Hồng T, Nguyễn Thị Thu T và nhiều người khác (chưa rõ nhân thân, lai lịch) tham gia đánh bạc tại đồng C thuộc ấp D, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Tiền thu giữ trên chiếu bạc là 400.100.000 đồng, thu giữ trên người các đối tượng tham gia đánh bạc là 165.800.000 đồng, 03 bộ lắc tài xỉu, 02 bộ đàm liên lạc, 01 tấm bạt màu cam - xanh, 01 chiếc ghe và một số vật chứng khác có liên quan.

Quá trình điều tra, thể hiện:

Phạm Văn T tổ chức đánh bạc tại đồng C thuộc ấp D, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương và ấp C, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh từ khoảng tháng 9 năm 2019 cho đến ngày bị bắt quả tang. Để chuẩn bị, T đưa tiền cho Lê Hoàng S (tên thường gọi là T, sinh năm 1990, hộ khẩu thường trú: Ấp Xóm T, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh) mua 04 bộ đàm giá 750.000 đồng/cái để liên lạc cảnh giới. T đi mua 02 ghe gỗ loại 04 - 05 tấn, giá 23.000.000 đồng/cái để phục vụ việc đưa các đối tượng đánh bạc sang sông Sài Gòn và mua bạt nhựa màu cam - xanh để trải trên nền đất phục vụ cho các đối tượng ngồi đánh bạc.

Phạm Văn T khai quá trình tổ chức đánh bạc, T thuê và phân công Lê Hoàng S giữ 01 bộ đàm đứng cảnh giới tại sòng bạc, Nguyễn Văn H (tên thường gọi là G, sinh năm 1990, hộ khẩu thường trú: ấp 3, xã H, huyện B, tỉnh Bình Phước) giữ 01 bộ đàm đứng cảnh giới tại rạch C, Lê Minh T (tên thường gọi là Đ, sinh năm 1991, hộ khẩu thường trú: tổ 5, ấp Xóm M, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh) giữ 01 bộ đàm đứng cảnh giới tại nhà ông Nguyễn Văn B (nhà gần đó), Nguyễn Xuân T (sinh năm 1991, hộ khẩu thường trú: tổ 12, ấp Pú B, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh) giữ 01 bộ đàm đứng cảnh giới ở gần Bến đò Dòng Sỏi, Nguyễn Hồng P (tên thường gọi là L, sinh năm 1998, hộ khẩu thường trú: ấp C, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh), Trần Minh T (sinh năm 1996, hộ khẩu thường trú: tổ 64, ấp P, xã P, C, Thành phố Hồ Chí Minh) làm nhiệm vụ lái ghe chở các đối tượng đánh bạc đến tụ điểm đánh bạc, Hà Tuấn A (sinh năm 1996, hộ khẩu thường trú: ấp Xóm C, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh) làm nhiệm vụ cảnh giới và giữ trật tự tại sòng bạc, Nguyễn Hoàng P (sinh năm 1987; hộ khẩu thường trú: tổ 92B, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh), Nguyễn Văn H (sinh năm 1985; hộ khẩu thường trú: ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh), Trang Văn Đ (tên thường gọi là Ba R, sinh năm 1994, hộ khẩu thường trú: ấp Xóm C, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh) làm nhiệm vụ

cảnh giới và giữ trật tự tại sòng bạc. Phạm Văn T trả tiền công cho các đối tượng tổ chức canh giữ sòng bạc mỗi người trung bình từ 200.000 đồng/ngày đến 400.000 đồng/ngày.

Những người tham gia đánh bạc trực tiếp làm cái theo ca do Thanh sắp xếp. Trong ngày 14 tháng 3 năm 2020, có 03 đối tượng làm cái được Phạm Văn Thanh bố trí sắp xếp thời gian theo 03 ca, cụ thể như sau:

Ca 1: Từ 12 giờ đến 14 giờ, do Lê Thanh N (sinh năm 1987, hộ khẩu thường trú: Số 49/65, tổ 65, khu 5, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương) làm nhà cái.

Ca 2: Từ 14 giờ đến 15 giờ do Lê Văn Đ làm cái.

Ca 3: Từ 15 giờ, do Phạm Văn D (sinh năm 1977, hộ khẩu thường trú: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh) làm cái đến khi bị bắt quả tang.

Hình thức đánh bạc như sau: Bộ lắc tài xỉu gồm: 01 đĩa sứ màu trắng, 01 nắp nhựa hình trụ màu đen và 03 hạt xí ngầu; mỗi hột xí ngầu có 06 mặt, mỗi mặt có chấm màu đen hoặc màu đỏ, số lượng mỗi mặt có chấm màu đen hoặc màu đỏ ở mỗi mặt khác nhau và tăng dần từ 01 đến 06, một chấm màu đen hoặc màu đỏ tương ứng với 01 nút điểm. Người làm cái bỏ 03 hạt xí ngầu vào 01 đĩa sứ, lấy nắp nhựa đậy lại rồi lắc nhiều lần, sau đó để xuống chiếu bạc, bên trái là "xỉu", bên phải là "tài" (tổng số nút điểm từ 03 đến 10 là "xỉu", 11 đến 18 là "tài"). Sau khi các đối tượng đánh bạc đặt tiền xong, người làm cái sẽ mở nắp nhựa, nếu nút điểm trùng với người đánh bạc đặt thì người đánh bạc thắng. Nếu lắc 03 mặt xí ngầu có cùng một nút thì gọi là bão, bão xỉu là 3,6,9, bão tài là 12,15,18; nhà cái lắc ra bão tài thì hòa tiền người đặt bên tài và ngược lại. Tỷ lệ thắng thua là 1:1, số tiền nhà cái lắc ra bão thắng thì phải chia 50:50 với T.

Với hình thức trên, vào ngày 14 tháng 3 năm 2020, Phạm Văn T cùng với 37 bị cáo và nhiều người khác (chưa rõ nhân thân, lai lịch) tham gia đặt cược tại đồng C thuộc ấp D, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương thì bị bắt quả tang. Riêng Phạm Văn D, Lê Thanh N, Lê Hoàng S, Nguyễn Văn H, Lê Minh T, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Hồng P, Trần Minh T, Hà Tuấn A, Nguyễn Hoàng P, Nguyễn Văn H và Trang Văn Đ chạy thoát.

Nguyễn Hồng P khai làm nhiệm vụ lái ghe chở các đối tượng qua sông để đánh bạc. Vào ngày 14 tháng 3 năm 2020, P chở được 03 chuyến ghe, mỗi chuyến P chở khoảng 07 đối tượng qua sông Sài Gòn đến đồng C để đánh bạc. Phạm Văn T hứa sẽ trả tiền công cho P nhưng không nói rõ số tiền bao nhiêu, chưa kịp đưa tiền cho P thì bị bắt quả tang.

Trong ngày 14 tháng 3 năm 2020, Phạm Văn T đã thu tiền xâu của Lê Văn Đ là 6.300.000 đồng, của Phạm Văn D là 10.000.000 đồng, của Lê Thanh Nam là 3.700.000 đồng. Tổng số tiền, T thu tiền xâu là 20.000.000 đồng. Khi lực lượng Công an đến, T bỏ chạy xuống sông và làm rơi mất số tiền 17.750.000 đồng, khi bị bắt T còn lại trong túi 2.250.000 đồng bị thu giữ.

Quá trình đánh bạc vào ngày 14 tháng 3 năm 2020 cụ thể như sau:

Phạm Văn T mang theo số tiền 30.000.000 đồng để đánh bạc, đặt cược khoảng 15 ván bạc, mỗi ván đặt cược từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Kết quả T thua hết số tiền trên. Tổng số tiền T sử dụng để đánh bạc là 30.000.000 đồng.

Lê Văn Đ mang theo 40.000.000 đồng để đánh bạc, làm cái lắc tài xỉu cho các đối tượng đánh bạc đặt tiền cược trong khoảng thời gian từ 14 giờ đến 15 giờ. Đ thắng 01 ván bão với số tiền 12.600.000 đồng và đưa tiền xâu cho Phạm Văn T 6.300.000 đồng. Khi bị bắt, Đ thua 24.600.000 đồng, bị thu giữ 15.400.000 trên người.

Trần Thị M mang theo 3.500.000 đồng để đánh bạc, đặt cược khoảng 15 ván bạc, mỗi ván đặt từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng.

Nguyễn Thị Thu H mang theo 500.000 đồng để đánh bạc, đặt tiền cược khoảng 06 ván bạc, mỗi ván đặt từ 100.000 đồng.

Nguyễn Thị Thu V mang theo 2.590.000 đồng, sử dụng 2.500.000 đồng để đánh bạc.

Lê Thị Minh L mang theo 550.000 đồng để đánh bạc. L tham gia đặt cược rất nhiều ván bạc, mỗi ván đặt cược từ 100.000 đồng.

Phạm Ngọc Vinh mang theo 1.800.000 đồng, sử dụng 700.000 đồng đánh bạc, Vinh tham đặt cược 02 ván, mỗi ván đặt 50.000 đồng.

Nguyễn Thị Thu Th mang theo 3.000.000 đồng để đánh bạc, tham gia đặt cược khoảng 15 ván, mỗi ván đặt cược từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng, Thủy thắng được 1.580.000 đồng, bị thu giữ 4.580.000 đồng trên người, số tiền Th dùng để đánh bạc là 4.580.000 đồng.

Nguyễn Thành S mang theo 400.000 đồng để đánh bạc. S tham gia đặt cược 03 ván, mỗi ván cược 100.000 đồng, S thắng được 300.000 đồng, số tiền S dùng để đánh bạc là 700.000 đồng.

Phạm Ngọc L sử dụng 3.500.000 đồng đánh bạc, L tham gia đặt cược trên 10 ván bạc, mỗi ván đặt từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng, L thắng 2.000.000 đồng, bị thu giữ 5.900.000đ trên người, số tiền Phạm Ngọc L dùng để đánh bạc là 5.500.000 đồng.

Phạm Ngọc T sử dụng 400.000 đồng.

Huỳnh Thị Tuyết H mang theo 1.500.000 đồng.

Trần Thị Thu T sử dụng 10.000.000 đồng.

Nguyễn Đức M sử dụng 1.000.000 đồng.

Phạm Văn B mang theo 1.900.000 đồng.

Đỗ Thị N mang theo 1.000.000 đồng.

Vũ Thúy N mang theo 500.000 đồng.

Lê Thị Hồng T sử dụng 100.000 đồng.

Hồ Duy K mang theo 2.300.000 đồng.

Ngô Văn K mang theo 350.000 đồng.

Đào Văn L mang theo 2.500.000 đồng.

Hồ Thị M mang theo 65.000.000 đồng, tham gia đặt cược 04 ván bạc, mỗi đặt cược từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng.

Quách Văn H mang theo 20.000.000 đồng, tham gia đặt cược khoảng 20 ván bạc, mỗi ván đặt cược từ 300.000 đồng đến 1.000.000 đồng, H thắng được 5.200.000 đồng, số tiền H đánh bạc là 25.200.000 đồng.

Trần Thị Thùy D mang theo 3.200.000 đồng, tham gia đặt cược nhiều ván bạc, mỗi ván đặt cược từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng.

Lê Thùy T mang theo 1.500.000 đồng, tham gia đặt cược khoảng 15 ván bạc, mỗi ván đặt cược 100.000 đồng, số tiền T đánh bạc là 1.500.000 đồng.

Nguyễn Hoàng Tử L mang theo 2.000.000 đồng, L tham gia đặt cược nhiều ván bạc, mỗi ván đặt cược từ 100.000 đồng đến 1.000.000 đồng, L thắng 8.100.000 đồng, số tiền L đánh bạc là 10.100.000 đồng.

Phạm Thị Hồng Đ mang theo 2.500.000 đồng.

Nguyễn Hoàng L mang theo 1.600.000 đồng, tham gia đặt cược 05 ván bạc, mỗi ván đặt cược từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng, L thắng được 100.000 đồng, số tiền L đánh bạc là 1.700.000 đồng.

Hồ Thị Thanh T mang theo 2.220.000 đồng.

Nguyễn Thị Thùy O mang theo số tiền 2.000.000 đồng.

Trần Anh D mang theo 500.000 đồng.

Nguyễn Tân L mang theo 700.000 đồng.

Nguyễn Văn Đ mang theo 2.400.000 đồng.

Nguyễn Thị Kim L mang theo 1.000.000 đồng.

Huỳnh Thị Kim N mang theo 2.000.000 đồng.

Phan Hữu T mang theo số tiền 2.400.000 đồng.

Phạm Thị T mang theo 3.500.000 đồng.

Phan Văn T dùng 1.150.000 đồng.

Tổng số tiền các đối tượng dùng để đánh bạc là 535.580.000 đồng gồm: tiền trên chiếu bạc là 400.100.000 đồng và 135.480.000 đồng thu giữ trên người các đối tượng có căn cứ sử dụng để đánh bạc. Tổng số tiền các đối tượng khai nhận không sử dụng vào mục đích đánh bạc là 30.320.000 đồng.

Phạm Văn D làm cái từ 15 giờ đến khi bị lực lượng Công an bắt quả tang. Trong quá trình đánh bạc, D đưa tiền xâu cho Thanh 10.000.000 đồng. Do quá trình điều tra D đã bỏ trốn, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy nã, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Đối với Lê Thanh N, Lê Hoàng S, Nguyễn Văn H, Lê Minh T, Nguyễn Xuân T, Trần Minh T, Trang Văn Đ chạy thoát, qua điều tra, xác minh được biết các đối tượng không có mặt tại địa phương. Cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra để xử lý.

Ngoài ra, bị cáo T khai nhận đã thu lợi bất chính dưới hình thức thu tiền xâu của các đối tượng đánh bạc làm nhà cái trong các lần tổ chức đánh bạc trước ngày bị bắt quả tang với số tiền là 60.000.000 đồng. Bị cáo P khai nhận đã thu lợi bất chính từ việc giúp T lái ghe chở các con bạc qua sông ở các lần T tổ chức đánh bạc trước ngày bị bắt quả tang với số tiền là 2.500.000 đồng. Qua điều tra, không xác định được T tổ chức đánh bạc cho những ai, ở đâu, vào thời gian nào, không xác định được tiền xâu thu của những ai, cũng như không xác định được hành vi giúp T tổ chức đánh bạc của P nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi tổ chức đánh bạc trước đó theo lời khai của T và P.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 197/2021/HS-ST ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương đã quyết định.

Xử phạt bị cáo Phan Hữu T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14 tháng 3 năm 2020 đến ngày 09 tháng 9 năm 2020.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Hồng Đ 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14 tháng 3 năm 2020 đến ngày 09 tháng 9 năm 2020.

Xử phạt bị cáo Trần Thị M 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14 tháng 3 năm 2020 đến ngày 07 tháng 5 năm 2020.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Hồ Thị Thanh T 03 (ba) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14 tháng 3 năm 2020 đến ngày 09 tháng 9 năm 2020.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14 tháng 3 năm 2020 đến ngày 05 tháng 9 năm 2020.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Kim N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14 tháng 3 năm 2020 đến ngày 06 tháng 8 năm 2020.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14 tháng 3 năm 2020 đến ngày 07 tháng 5 năm 2020.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày ngày 14 tháng 3 năm 2020.

Xử phạt bị cáo Phan Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14 tháng 3 năm 2020 đến ngày 07 tháng 4 năm 2020.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Phạm Văn T 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc" và tội "Đánh bạc"; bị cáo Nguyễn Hồng P 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc"; bị cáo Phạm Văn B 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù; bị cáo Nguyễn Thành S 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù; bị cáo Vũ Thúy N 01 (một) năm 07 (bảy) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày tù; bị cáo Đỗ Thị N 01 (một) năm 07 (bảy) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày tù; bị cáo Nguyễn Thị Thùy O 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; bị cáo Nguyễn Thị Thu Th 03 (ba) năm tù; bị cáo Nguyễn Văn Đ 03 (ba) năm tù; bị cáo Trần Thị Thùy D 03 (ba) năm tù; bị cáo Nguyễn Hoàng Tử L 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù; bị cáo Hồ Thị M 04 (bốn) năm tù; bị cáo Phạm Ngọc V 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Đánh bạc"; xử phạt các bị cáo Quách Văn H, Trần Thị Thu T, Phạm Thị T, Đào Văn L, Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Thị Thu H, Trần Anh D, Phạm Ngọc T, Ngô Văn K, Phạm Ngọc L, Hồ Duy K, Lê Thùy T, Nguyễn Tân L, Lê Thị Minh L, Huỳnh Thị Tuyết H, Nguyễn Đức M, Lê Thị Hồng T bị phạt tù nhưng cho hưởng án treo, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11 tháng 11 năm 2021, Phan Văn T, Trần Thị M, Nguyễn Hoàng L, Phan Hữu T, Phan Thị Hồng Đ, ngày 15 tháng 11 năm 2021, Huỳnh Thị Kim N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 10 tháng 11 năm 2021, Nguyễn Thị Kim L có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 11 tháng 11 năm 2021, Hồ Thị Thanh T có đơn xin giảm nhẹ hình phạt bằng thời gian đã tạm giam bị cáo.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, Nguyễn Hoàng L có đơn rút yêu cầu kháng cáo. Ngày 05 tháng 5 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Nguyễn Hoàng L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, riêng bị cáo Huỳnh Thị Kim N, bị cáo Nguyễn Thị Kim L thay đổi kháng cáo chỉ xin hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Đơn kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn luật định. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định hành vi phạm tội của các bị cáo như cấp sơ thẩm đã xét xử là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Đ, T, M, L, Th, Đ, Th có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, các bị cáo N, L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm các bị cáo L có đơn rút kháng cáo nên Tòa án ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo này là phù hợp quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ mới, bị cáo M cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới có cha là người có công với cách mạng nhưng tài liệu chứng minh không có giá trị pháp lý nên không được xem xét là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Th, bị cáo M, bị cáo Đ, bị cáo T phạm tội thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã quyết định đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo. Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo N, bị cáo L, xét thấy các bị cáo có nhân thân xấu nên không đủ điều kiện để được hưởng án treo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các bị cáo nói lời sau cùng: mong Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của các bị cáo thực hiện trong thời hạn luật định, hợp lệ nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương, hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện việc điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm xác định. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: vào ngày 14 tháng 3 năm 2020, tại đồng C thuộc ấp D, xã A, thị xã B, Phạm Văn T cùng với Nguyễn Hồng P và một số đối tượng khác (chưa rõ nhân thân, lai lịch) tổ chức để Lê Văn Đ, Phạm Văn D làm cái lắc tài xỉu thắng thua bằng tiền cho Phạm Văn T, Nguyễn Hoàng L, Hồ Thị Thanh T, Phạm Văn B, Nguyễn Tân L, Nguyễn Đức M, Phan Hữu T, Trần Thị M, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Hoàng Tử L, Phạm Ngọc T, Quách Văn H, Đỗ Thị N, Phan Văn T, Đào Văn L, Lê Thùy T, Nguyễn Thị Thu V, Huỳnh Thị Kim N, Nguyễn Thị Thùy O, Vũ Thúy N, Trần Thị Thu T, Trần Thị Thùy D, Nguyễn Thị Thu H, Phạm Ngọc V, Nguyễn Thành S, Huỳnh Thị Tuyết H, Phạm Ngọc L, Hồ Thị M, Lê Thị Minh L, Hồ Duy K, Phạm Thị Hồng Đ, Nguyễn Văn Đ, Ngô Văn K, Trần Anh D, Phạm Thị T, Lê Thị Hồng T, Nguyễn Thị Thu T tham gia đặt cược với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 535.580.000 đồng. Trong đó, số tiền dùng để đánh bạc của từng bị cáo cụ thể như sau:

Phạm Văn T 30.000.000 đồng;

Lê Văn Đ 40.000.000 đồng;

Trần Thị M 3.500.000 đồng;

Nguyễn Thị Thu H 500.000 đồng;

Nguyễn Thị Thu V 2.500.000 đồng;

Lê Thị Minh L 550.000 đồng;

Phạm Ngọc V 700.000 đồng;

Nguyễn Thị Thu T 4.580.000 đồng;

Nguyễn Thành S 700.000 đồng;

Phạm Ngọc L 5.500.000 đồng;

Phạm Ngọc T 400.000 đồng;

Huỳnh Thị Tuyết H 1.500.000 đồng;

Trần Thị Thu T 10.000.000 đồng;

Nguyễn Đức M 1.000.000 đồng;

Phạm Văn B 1.900.000 đồng;

Đỗ Thị N 1.000.000 đồng;

Vũ Thúy N 500.000 đồng;

Lê Thị Hồng T 100.000 đồng;

Hồ Duy K 2.300.000 đồng;

Ngô Văn K 350.000 đồng;

Đào Văn L 2.500.000 đồng;

Hồ Thị M 65.000.000 đồng;

Quách Văn H 25.200.000 đồng;

Trần Thị Thùy D 3.200.000 đồng;

Lê Thùy T 1.500.000 đồng;

Nguyễn Hoàng Tử L 10.100.000 đồng;

Phạm Thị Hồng Đ 2.500.000 đồng;

Nguyễn Hoàng L 1.700.000 đồng;

Hồ Thị Thanh T 2.220.000 đồng;

Nguyễn Thị Thùy O 2.000.000 đồng;

Trần Anh D 500.000 đồng;

Nguyễn Tân L 700.000 đồng;

Nguyễn Văn Đ 2.400.000 đồng;

Nguyễn Thị Kim L1.000.000 đồng;

Huỳnh Thị Kim N 2.000.000 đồng;

Phan Hữu T 2.400.000 đồng;

Phạm Thị T 3.500.000 đồng;

Phan Văn T 1.150.000 đồng.

Lê Văn Đ làm cái lắc tài xỉu cho các đối tượng đánh bạc đặt tiền cược trong khoảng thời gian từ 14 giờ 00 phút đến 15 giờ 00 phút. Phạm Văn D làm cái từ 15 giờ 00 phút đến khi bị lực lượng Công an bắt quả tang.

Trong ngày 14 tháng 3 năm 2020, Phạm Văn T đã thu tiền xâu của Lê Văn Đ là 6.300.000 đồng, của Phạm Văn D là 10.000.000 đồng và khai thu của Lê Thanh N là 3.700.000 đồng, tổng cộng là 20.000.000 đồng.

Như vậy, Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương xét xử các bị cáo về tội "Đánh bạc" và tội " Tổ chức đánh bạc" theo quy định tại khoản 2 Điều 321, khoản 2 Điều 322 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được hành vi đánh bạc, sát phạt lẫn nhau được, thua bằng tiền là vi phạm pháp luật và sẽ bị trừng trị nhưng vì muốn chiếm đoạt tiền của nhau nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả.

[5] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Lê Văn Đ, Phan Văn T, Trần Thị M, Phan Hữu T, Phạm Thị Hồng Đ, Huỳnh Thị Thanh T, Huỳnh Thị Kim N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo N, L thay đổi kháng cáo chỉ xin được hưởng án treo. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ mới, bị cáo M cung cấp thêm tình tiết mới có cha là người có công với cách mạng. Tuy nhiên, tài liệu bị cáo cung cấp không có giá trị pháp lý nên không được xem xét là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự như đại diện Viện kiểm sát đã xác định. Các bị cáo Phan Hữu T, Trần Thị M, Phạm Thị Hồng Đ, Huỳnh Thị Thanh T đã bị kết án chưa được xóa án tích lại phạm tội mới, lần phạm tội này của các bị cáo thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã quyết định đối với các bị cáo T, M, Tr là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo. Đối với hình phạt của bị cáo Lê Văn Đ, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định mức hình phạt đối với bị cáo là nhẹ, chưa tương xứng vai trò, tính chất mức độ, cũng như số tiền bị cáo dùng vào việc đánh bạc nhưng do không bị kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét. Riêng các bị cáo Phạm Thị Hồng Đ, Phan Hữu T mặc dù các bị cáo có tiền án nhưng các bị cáo tham gia đánh bạc trong vụ án dùng số tiền không lớn so với tổng số tiền trong vụ án, mức hình phạt của bị cáo Đ, T cấp sơ thẩm quyết định đối với các bị cáo là chưa phù hợp. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Đ, T.

Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Huỳnh Thị Kim N, Nguyễn Thị Kim L: các bị cáo tuy có nhân thân đã bị Tòa án xét xử (bị cáo L năm 1991, bị cáo N năm 2010) được xóa án tích thời gian đã lâu, vai trò của các bị cáo trong vụ án chỉ là người đánh bạc không tham gia làm cái, số tiền mang theo để đánh bạc không lớn, vai trò của các bị cáo trong vụ án là không đánh kể,

các bị cáo có nơi cứ trú rõ ràng, cả hai bị cáo hiện đang bị bệnh hiểm nghèo (bị cáo N bị u nang vú, tiểu đường týpr 2; bị cáo L bị ung thư tử cung), việc không cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội cũng không nguy hiểm và không ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nên đủ điều kiện để được hưởng án treo theo Nghị quyết 01/NQ-HĐTPTANDTC ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo N và L.

[6] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đ, T, M, Tr giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp. Đối với đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đ, T, N, L là chưa phù hợp.

[7] Các bị cáo Đ, T, N, L được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Do kháng cáo của các bị cáo Đ, T, M, Tr không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 344, Điều 345, điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 356 , điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 197/2021/HS-ST ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương về hình phạt đối với các bị cáo Đ, T, M, Tr.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 04 (bốn) năm tù về tội "Đánh bạc", thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14 tháng 3 năm 2020 đến ngày 05 tháng 9 năm 2020.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Trần Thị M 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc", thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/3/2020 đến ngày 07 tháng 5 năm 2020.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Hồ Thị Thanh T 03 (ba) năm tù về tội "Đánh bạc", thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14 tháng 3 năm 2020 đến ngày 09 tháng 9 năm 2020.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Phan Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc", thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14 tháng 3 năm 2020 đến ngày 07 tháng 4 năm 2020.

2. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 197/2021/HS-ST ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương đối với các bị cáo Phạm Thị Hồng Đ, Phan Hữu T, Huỳnh Thị Kim N, Nguyễn Thị Kim L.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Hồng Đ 03 (ba) năm tù về tội "Đánh bạc", thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14 tháng 3 năm 2020 đến ngày 09 tháng 9 năm 2020.

Xử phạt bị cáo Phan Hữu T 03 (ba) năm tù về tội "Đánh bạc", thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14 tháng 3 năm 2020 đến ngày 09 tháng 9 năm 2020.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Kim N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc", nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 30 tháng 5 năm 2022).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc", nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 30 tháng 5 năm 2022).

Giao bị cáo Huỳnh Thị Kim N về cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Kim L về cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Các bị cáo Lê Văn Đ, Hồ Thị Thanh T, Trần Thị M, Phan Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

Các bị cáo Phạm Thị Hồng Đ, Phan Hữu T, Huỳnh Thị Kim N, Nguyễn Thị Kim L không phải nộp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.